

Số: 94/QĐ-TrMNTB

Điện Biên, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

“V/v công bố công khai Kế hoạch vận động tài trợ năm học 2025 - 2026”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON THANH BÌNH

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 52/TT/BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 31/12/2020 về việc quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường mầm non;

Căn cứ Kế hoạch số 45/KH-TrMNTB ngày 15/09/2025 của trường mầm non Thanh Bình. Kế hoạch vận động tài trợ năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Phê duyệt Kế hoạch số: 1120/UBND-VHXXH ngày 22/10/2025 của UBND phường Điện Biên Phủ phê duyệt kế hoạch vận động tài trợ của 23 cơ sở giáo dục năm học 2025 – 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Kế hoạch vận động tài trợ trường mầm non Thanh Bình, năm học 2025 - 2026 (theo biểu đính kèm theo).

Điều 2. Thời gian, hình thức công khai

1. Thời gian công khai: Từ ngày 20/10/2025 đến hết ngày 05/11/2025.

2. Hình thức công khai: Công khai trong cuộc họp Ban đại diện cha, mẹ học sinh, họp cơ quan. Niêm yết trên bảng tin, trang thông tin điện tử của nhà trường: <https://mnthanhbinh.pgdtphdienbienphu.edu.vn/>.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban giám hiệu nhà trường, GVCN, kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 “để thi hành”
- Lưu KT, VT.


Lê Thị Tâm

**THUYẾT MINH KẾ HOẠCH VẬN ĐỘNG TÀI TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025 - 2026**

Căn cứ lập dự toán:

- Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 của bộ GD&ĐT Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; theo HD số: 2642/SGDĐT-KHTC của SGD&ĐT ngày 3/9/2025; HD số 679/UBND-VHXXH ngày 15/9/2025. V/v thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2025 - 2026.

I	Dự kiến huy động từ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Điện Biên tài trợ cho các hoạt động giáo dục, trải nghiệm sáng tạo, thi đua, khen thưởng... học sinh năm học 2025 - 2026				52.645.000
	SỬ DỤNG VẬN ĐỘNG TÀI TRỢ				
	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng cộng:				52.645.000
1	Hội thi "Bé khỏe - Bé ngoan, Bé khéo tay"				22.595.000
1.1	* Thưởng Bé khỏe - Bé ngoan				15.355.000
	- Làm băng giải	Cái	131	55.000	7.205.000
	- Thưởng giải đặc biệt: (thưởng hiện vật)	Giải	1	150.000	150.000
	- Thưởng giải nhất: (thưởng hiện vật)	Giải	30	50.000	1.500.000
	- Thưởng giải nhì: (thưởng hiện vật)	Giải	40	40.000	1.600.000
	- Thưởng giải ba: (thưởng hiện vật)	Giải	60	30.000	1.800.000
	- Thưởng giải khuyến khích: (thưởng hiện vật)	Giải	60	30.000	1.800.000
	- Công gói quà + phụ kiện giấy gói	Suất	130	10.000	1.300.000
1.2	* Thưởng Bé khéo tay				7.240.000
	- Thưởng giải nhất	Giải	20	60.000	1.200.000
	- Thưởng giải nhì	Giải	15	50.000	750.000
	- Thưởng giải ba	Giải	20	40.000	800.000
	- Thưởng giải khuyến khích	Giải	20	30.000	600.000
	- Công gói quà + phụ kiện giấy gói	Suất	75	10.000	750.000
	- In Phòng (KT: 3m x5,8m) trang trí Hội thi	M2	17,4	100.000	1.740.000
	-Thuê trang phục cho học sinh văn nghệ	Bộ	20	70.000	1.400.000

2	Tổ chức tết trung thu cho học sinh				2.700.000
	- Thuê múa lân	Lượt	1	2.000.000	2.000.000
	- Mâm ngũ quả	Mâm	1	700.000	700.000
3	Hoạt động trải nghiệm				3.950.000
	- Thuê xe chở học sinh thăm đơn vị bộ đội nhân ngày 22/12: Dự kiến 2 lớp mẫu giáo lớn 70 học sinh (chở đi và về)	Chuyến	6	150.000	900.000
	- Thuê xe chở học sinh thăm viếng các địa điểm di tích lịch sử: Dự kiến 2 lớp mẫu giáo lớn và 2 lớp MG nhờ 140 học sinh (chở đi và về)	Chuyến	12	150.000	1.800.000
	- Nước lọc đóng chai PV học sinh	Kiện	10	125.000	1.250.000
4	Tổng kết - khen thưởng học sinh cuối năm				15.400.000
	- In, ép giấy khen	Cái	200	10.000	2.000.000
	- Mua quà thưởng cho học sinh	Cái	200	40.000	8.000.000
	- Thuê trang phục cho học sinh văn nghệ	Bộ	20	70.000	1.400.000
	- Thưởng tập thể lớp xuất sắc	Lớp	8	500.000	4.000.000
5	Phát sinh khác				8.000.000
	- Thuê căng dù, rạp sự kiện trang trí khánh tiết các buổi tổng kết Hội thi, tổng kết năm học 2025 - 2026	Lượt	1	8.000.000	8.000.000

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Minh Hải

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



***Lê Thị Tâm**

Điện Biên Phủ, ngày 01 tháng 9 năm 2025

DỰ TOÁN THU - CHI

(Các khoản thu và mức thu, chi dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục, năm học 2025 - 2026)

(Kèm theo Tờ trình số - TrMNTB, ngày 01 tháng 9 năm 2025)

Căn cứ lập dự toán:

- Thực hiện theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên. V/v quy định khoản thu và mức thu; theo HD số: 2642/SGDĐT-KHTC của SGD&ĐT ngày 3/9/2025; HD số 679/UBND-VHXXH ngày 15/9/2025. V/v thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2025 - 2026

I. CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

- Dự kiến: Tổng số học sinh: 200 học sinh

1. Tiền dịch vụ ăn bán trú: 44.000đ/ngày/học sinh; 39.000đ/ngày/học sinh (Trong đó):

- 1.1 - Tiền ăn: 28.000đ/1 học sinh /ngày
1.2 - Tiền thuê người nấu ăn; phục vụ chăm sóc bữa ăn cho trẻ: 9.000đ/1 học sinh/ngày
1.3 - Tiền vật tư phục vụ bán trú: 2.000đ/1 học sinh/ngày.

2. Tiền dịch vụ trông trưa: 5.000đ/buổi/học sinh

3. Tiền dịch vụ dọn vệ sinh: 90.000đ/học sinh/năm

II. DIỄN GIẢI NỘI DUNG

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số bữa ăn	Định mức/ bữa	Thành tiền	Ghi chú
	DỊCH VỤ BÁN TRÚ: (Bao gồm: Tiền ăn; Tiền thuê người nấu ăn, phục vụ chăm sóc bữa ăn và Tiền vật tư phục vụ công tác bán trú)					
1	Phần thu:					

1.1	Nhà trẻ: (2 bữa chính+ 2 bữa phụ)	Ngày/suất			39.000	
	- Bữa chính: 2 bữa/ngày	Bữa	2	14.500	29.000	
	- Bữa phụ: 2 bữa/ngày	Bữa	2	5.000	10.000	
1.2	Mẫu giáo: (1 bữa chính + 2 bữa phụ)	Ngày/suất		29.000	39.000	
	- Bữa chính: 1 bữa/ngày	Bữa	1	19.000	19.000	
	- Bữa phụ: 2 bữa/ngày	Bữa	2	10.000	20.000	
2	Phân chi					
2.1	Nhà trẻ	Ngày/suất			39.000	
	Bữa chính:	Bữa	2		29.000	
	- Tiền mua thực phẩm tươi sống, hàng khô, chất đốt...	Bữa	2	12.000	24.000	
	- Tiền thuê nấu ăn, phục vụ	Bữa	2	2.000	4.000	
	- Tiền vật tư	Bữa	2	500	1.000	
	Bữa phụ:	Bữa			10.000	
	- Tiền mua thực phẩm tươi sống, hàng khô, chất đốt...	Bữa	2	3.000	6.000	
	- Tiền thuê nấu ăn, phục vụ	Bữa	2	1.500	3.000	
	- Tiền vật tư	Bữa	2	500	1.000	
2.2	Mẫu giáo	Ngày/xuất			39.000	
	Bữa chính:	Bữa	1		20.000	
	- Tiền mua thực phẩm tươi sống, hàng khô, chất đốt...	Bữa	1	16.000	16.000	
	- Tiền thuê nấu ăn, phục vụ	Bữa	1	3.000	3.000	
	- Tiền vật tư	Bữa	1	1.000	1.000	
	Bữa phụ:	Bữa			19.000	
	- Tiền mua thực phẩm tươi sống, hàng khô, chất đốt...	Bữa	2	6.000	12.000	
	- Tiền thuê nấu ăn, phục vụ	bữa	2	3.000	6.000	
	- Tiền vật tư	Bữa	2	500	1.000	
	DIỄN GIẢI NỘI DUNG MỤC CHI CỦA MỤC THU 1.2 - PHỤC VỤ, CHĂM SÓC BỮA ĂN CHO TRẺ: 9.000 đồng/ 1 ngày					
	Tiền thuê nhân viên nấu ăn, phục vụ chăm sóc bữa ăn: 9.000đ/ngày/học sinh				-	
	Căn cứ tổng số suất ăn của tháng x 9.000 đồng và xác định số chi cụ thể như sau:					
	- Tiền thuê nhân viên nấu ăn	Người	2	6.000.000	12.000.000	

	Còn lại:								
	- Chi tiền Ban quản lý, chỉ đạo, kiểm tra bán trú: 25%								
	- Chi giáo viên người trực tiếp chăm sóc, phục vụ HS: 75%								
	DIỄN GIẢI NỘI DUNG THU, CHI CỦA MỤC THU 1.3 - VẬT TƯ PHỤC VỤ BÁN TRÚ: 2.000 đồng/ 1 ngày								
	Dự kiến thu: Tổng số toàn trường 200HS x 85% HS đi học chuyên cần = 170HS (đi học, ăn bán trú)								
	01 HS x 20 buổi/ tháng x 9 tháng = 180 ngày x 2.000đ/ngày = 360.000đ/Hs/năm		Học sinh	170	360.000	61.200.000			
	Chi mua vật tư, hàng hóa, đồ dùng phục vụ bán trú học sinh tại lớp học					32.240.000			
	- Xà phòng omo 800g: 1,5 gói/tháng x 8 lớp x 9 tháng = 108 gói	Gói	108		35.000	3.780.000			
	- Nước rửa tay lifebuoy 450ml: 1 chai/tháng x 8 lớp x 9 tháng = 72 chai	Chai	72		60.000	4.320.000			
	- Nước lau nền nhà Sunlight 1kg: 1 chai/1tháng x 8 lớp x 9 tháng = 72 chai	Chai	72		38.000	2.736.000			
	- Găng tay nilong loại mềm chia com...cho học sinh: 1 hộp/ 1 tháng/ 1 lớp x 8 lớp x 9 tháng = 72 hộp	Hộp	72		15.000	1.080.000			
	- Túi bóng đựng quần, áo bẩn cho học sinh 1kg/ 1 lớp/ 1 tháng x 8 lớp x 9 tháng = 72 kg	Kg	72		38.000	2.736.000			
	- Giấy vệ sinh 2 dây/1 lớp/ 1,5 tháng x 8 lớp x 9 tháng = 108 dây	Dây	108		55.000	5.940.000			
	- Khăn mặt thổ cẩm lau tay : 2 chiếc/năm x 8 lớp	Cái	16		28.000	448.000			
	- Chổi chít quét nhà: 2 cái/năm x 8 lớp	Cái	16		55.000	880.000			
	- Chổi cước: 1 chiếc/năm x 8 lớp	Cái	8		50.000	400.000			
	- Găng tay cao su: 2 đôi/năm x 8 lớp	Đôi	16		45.000	720.000			
	- Chổi cọ bồn cầu: 1 cái lớp/ 1 học kỳ x 8 lớp x 2 học kỳ = 16	Cái	16		15.000	240.000			

	- Bàn trải 1 cái / lớp x 8 lớp	Cái	8	15.000	120.000	
	- Hót rác nhựa cán dài: 1cái/lớp x 8 lớp	Cái	8	40.000	320.000	
	- Vím con vít màu xanh tẩy rửa bồn cầu 2 chai/ lớp/ 1 tháng x 8 lớp x 9 tháng = 144 kg	Chai	144	38.000	5.472.000	
	- Túi bóng đựng rác thải của lớp 0,5kg/ 1 lớp/ 1 tháng x 8 lớp x 9 tháng = 36 kg	Kg	36	38.000	1.368.000	
	- Bột thông cống xử lý bề phố: 1 gói/ 1bệt x 16 bệt x 3 lần/ 1 năm học = 48 gói	Gói	48	35.000	1.680.000	
	Chi mua vật tư, hàng hóa, đồ dùng, dụng cụ cho nhà bếp:				28.960.000	
	- Chổi chít quét bếp	Cái	2	55.000	110.000	
	- Chổi cước	Cái	2	60.000	120.000	
	- Nước lau nền nhà Sunlight 1kg: 1chai/tháng x 9 tháng	Chai	9	38.000	342.000	
	- Nước rửa bát 2 can/1 tháng x 9 tháng = 18 tháng	Can	18	110.000	1.980.000	
	- Xà phòng omo 800g: 2 gói/tháng x 9 tháng = 18 gói	Gói	18	35.000	630.000	
	- Nước rửa tay lifebuoy 450ml: 1 chai/tháng x 9 tháng = 8 chai	Chai	8	60.000	480.000	
	- Cây lau nhà tự vắt (360)	Cái	1	450.000	450.000	
	- Chăn chiên: 2 cái/ 1 học kỳ x 2 học kỳ = 4 cái	Cái	4	135.000	540.000	
	- Ủng: 1đôi/người/năm học	Đôi	2	90.000	180.000	
	- Găng tay cao su: 1đôi/người/ học kỳ x 2 học kỳ	Đôi	2	40.000	80.000	
	- Găng tay nilong loại mềm chia com, thực phẩm, thức ăn: 1 hộp/tháng x 9 tháng = 9 tháng	Hộp	9	15.000	135.000	
	- Khăn lau tay: 2 cái/ 1 quý x 3 quý = 6 cái	Cái	6	28.000	168.000	
	- Tạp rề: 1 cái/người /năm x 2 người	Cái	2	80.000	160.000	
	- Mũ, khẩu trang: 1 bộ/người/năm	Bộ	2	40.000	80.000	
	- Cọ sắt	Cái	15	3.000	45.000	

	- Rẻ bác xoong nồi	Đôi	4	25.000	100.000	
	- Bộ nạo củ quả (to)	Bộ	1	45.000	45.000	
	- Dao thái thép không rỉ	Cái	2	90.000	180.000	
	- Dao chặt thép không rỉ	Cái	1	130.000	130.000	
	- Dao con thép không rỉ	Cái	1	40.000	40.000	
	- Bát Inox ăn cơm (bổ sung thay bát méo, nước vào lớp trong của bát)	Cái	80	15.000	1.200.000	
	- Thìa Inox thay mới	Cái	200	4.000	800.000	
	- Bổ sung muối canh in inox	Cái	5	25.000	125.000	
	- Lọ lưu mẫu thủy tinh	Lọ	10	35.000	350.000	
	- Rổ nhựa to đựng bát 1 cái/ 1 lớp x 8 lớp + 3 cái nhà bếp	Cái	11	60.000	660.000	
	- Rá nhựa nhà bếp	Cái	3	60.000	180.000	
	- Hỗ trợ trả tiền điện sáng, nước máy cho hoạt động bán trú,... đun nước uống cho học sinh uống hàng ngày	Tháng	9	2.000.000	18.000.000	
	- Phát sinh dự phòng (bổ sung giấy vệ sinh, bát, thìa....vật tư khác theo nhu cầu thực tế).				1.650.000	
3	DỊCH VỤ TRÔNG TRƯA				-	
	Thu: 5.000đ/1HS/1 buổi					
	Chi:					
	Trích 200đ/1hs/buổi/: Chi tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho ngủ, nghỉ trưa của HS như: mua bổ sung chiếu, xốp, sửa chữa rất giường					
	4.800đ/1HS/1 buổi được xác định chi tỷ lệ 100% cụ thể như sau:					
	25% chi quản lý, chi đạo, kiểm tra bán trú					
	75% chi giáo viên trực tiếp trông trưa học sinh					
4	DỊCH VỤ DỌN VỆ SINH CÔNG CỘNG					

	Thu: 90.000 đồng/1hs/1 năm: (Dự kiến 200HS x 90.000đồng)	HS	200	90.000	18.000.000	
	Chi: Thuê 1 nhân công quét dọn vệ sinh sân trường, vệ sinh các khu vực chung của nhà trường, hành lang phía ngoài trường...đổ rác thải hàng ngày của trường ra đúng vị trí quy định của công ty môi trường	Tháng	9	2.000.000	18.000.000	

KẾ TOÁN

[Signature]

Phạm Thị Minh Hải

ĐẠI DIỆN BAN ĐẠI DIỆN CHA, MẸ HỌC SINH

[Signature]

Tạ Thị Hoài

HIỆU TRƯỞNG

[Signature]

Lê Thị Tâm

